

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 05/5/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn";

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 71/ĐX-HP ngày 05/5/2009 của Công ty TNHH Hồng Phong;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 141/TTr - TNMT ngày 06 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Hồng Phong được phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác là : 10,27 ha được giới hạn bởi các điểm góc A, B, C, D, E, F, G có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

- Trữ lượng mỏ: 7.585.264 m³

- Công suất khai thác: 150.000 m³/năm

- Loại khoáng sản : Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2039).
- Lệ phí giấy phép 4.000.000 đ nộp tại Sở Tài nguyên và môi trường

Lạng Sơn

Điều 2. Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm:

1. Hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan.

2. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, có phát hiện mới về khoáng sản khác phải thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

3. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khu vực.

4. Thực hiện đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mọi hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty TNHH Hồng Phong đã thông báo kế hoạch khai thác, ký quỹ môi trường, hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Công ty TNHH Hồng Phong, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia, Chủ tịch UBND xã Tô Hiệu và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 17

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục ĐC & KS Việt Nam;
- Sở Công Thương;
- CVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn .

Số đăng ký :19..... ĐK/KT.

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 5 năm 2009

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Khánh

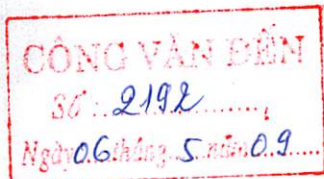
CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~71~~../ĐX- HP

Hồng Phong, ngày 25 tháng 5 năm 2009



ĐƠN XIN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Tổ chức xin khai thác: CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG

Trụ sở: xã Hồng Phong – Huyện Cao Lộc – Tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: (0253) 852 409; Fax: (0253) 852 409.

Quyết định số 561/QĐ/UB-SXKD ngày 09 tháng 8 năm 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Phong.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1402000055 ngày 10 tháng 8 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27 tháng 11 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn chứng nhận.

Giấy phép thăm dò số: 94/GP-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2009

Báo cáo kết quả thăm dò do Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng khoa học về khoáng sản thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam thành lập năm 2008 đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt theo Quyết định số: 323/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2009

Xin được khai thác khoáng sản: Tên khoáng sản Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Mỏ đá vôi Hồng Phong 4, thuộc thôn Rừng Thông, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích xin khai thác 10,27 ha (0,1027km²).

Được giới hạn bởi các điểm góc A, B, C, D, E, F, G (Có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo)

Trữ lượng xin khai thác: Qui về đá nguyên khối 7.585.264 m³ (tương đương 20.480.213 tấn)

Công suất khai thác: Qui về đá nguyên khối 150.000 m³/năm (tương đương 405.000 tấn/ năm)

Thời hạn xin khai thác 30 năm, từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2039.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Phong cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



Trần Văn Dũng

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;
- Dự án đầu tư;
- Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số 125/CT-KT ngày 24/3/2009;
- Quyết định số 805/QĐ- UBND ngày 05/5/2009 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Công văn số 94/CV-CN ngày 15/3/2000; 161/CV-CN ngày 10/5/2000; 220/CV-VHTT ngày 29/5/2000; biên bản khảo sát xác định vị trí khai thác ngày 20/5/2000; 09 /CV-UBND ngày 25/2/2009; 04/CV-MTTQ ngày 25/2/2009;

Số : ~~14-1~~ /TTr-TNMT

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 5 năm 2009

TỜ TRÌNH

V/v cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Mỏ Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Kính gửi : Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 71/ĐX- HP ngày 05/5/2009 của Công ty TNHH Hồng Phong,

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

1. Công ty TNHH Hồng Phong địa chỉ trụ sở chính tại Mỏ đá Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1402000055, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 27/11/2008 trong đó có đăng ký Ngành, nghề kinh doanh "*Khai thác và chế biến và kinh doanh khoáng sản*".

2. Ngày 06 tháng 5 năm 2009 Công ty TNHH Hồng Phong đã có đơn và hồ sơ xin khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong 4. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin khai thác mỏ của Công ty TNHH Hồng Phong, kết quả thẩm định như sau:

- Mỏ đá vôi Hồng Phong 4 đã được UBND tỉnh cấp:
- + Giấy phép thăm dò khoáng sản số 94/GP-UBND ngày 14/1/2009.
- + Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 323/QĐ-UBND ngày 24/02/2009.

- + Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn" số 805/QĐ-UBND ngày 05/5/2009.

- Thiết kế cơ sở của mỏ đã được Sở Công Thương thẩm định tại Kết quả thẩm định số 125/SCT-KT ngày 24/03/2009.

- Địa điểm Công ty TNHH Hồng Phong xin khai thác đã được Sở Tài nguyên và môi trường và UBND huyện Bình Gia, UBND xã Tô Hiệu tiến hành kiểm tra thực địa và điều nhất trí khu vực mỏ có các điều kiện thuận lợi để tiến hành khai thác.

- Hồ sơ xin khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Hồng Phong lập đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét và cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cho Công ty TNHH Hồng Phong với các nội dung sau:

- Địa điểm: Mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực xin khai thác là : 10,27 ha được giới hạn bởi các điểm góc A, B, C, D, E, F, G có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

- Trữ lượng mỏ: 7.585.264 m³

- Công suất khai thác: 150.000 m³/năm

- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2039).

- Loại khoáng sản : Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Kính trình UBND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Công ty TNHH Hồng Phong;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TNKS&ĐC.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC ĐỊA

Khu vực xin thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Hồng Phong 4 thuộc khu vực Thôn Rừng Thông, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện quy định về thăm định hồ sơ xin cấp phép hoạt động khoáng sản, ngày 02 tháng 01 năm 2009, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Gia, UBND xã Tô Hiệu kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan khu vực xin thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Mỏ Hồng Phong 4 thuộc khu vực Thôn Rừng Thông, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH Hồng Phong..

I. Tham gia kiểm tra thực địa gồm:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn:

- Ông Phạm Anh Dũng - Phụ trách phòng TNKS - Địa chất.
- Ông Đinh Hoàng Nguyên - Chuyên viên phòng TNKS-ĐC.

2. Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Gia:

- Ông Hoàng Minh Huyền - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường

3. Đại diện UBND xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia.

- Ông Hoàng Minh Hải - Cán bộ Địa chính xã

4. Đại diện Công ty TNHH Hồng Phong

- Ông Trần Văn Dũng - Chủ tịch hội đồng thành viên
- Ông Hoàng Học - Giám đốc điều hành mỏ

II. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Vị trí:

- Khu vực Công ty TNHH Hồng Phong đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản thuộc địa phận khu vực Thôn Rừng Thông, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS cho thấy địa hình khu vực xin thăm dò phù hợp với địa hình trên bản đồ khu vực thăm dò tỷ lệ 1/5.000 trong hồ sơ (hệ VN-2000, hệ UTM) và phù hợp với bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hệ UTM đang lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

2. Loại khoáng sản xin thăm dò: đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

3. Các vấn đề liên quan đến khu vực xin cấp phép:

- Liên quan đến an ninh quốc phòng và di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh: Không phát hiện các công trình quốc phòng, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, cách hàng Kéo Lặng, Thảm Hai 1km.

- Liên quan đến công trình lưới điện và giao thông: Không có liên quan. cách đường quốc lộ 1B 1,2 km.

- Liên quan đến công trình thủy lợi, sông suối lớn: Trong khu vực xin thăm dò không có sông suối, các công trình thủy lợi.

- Liên quan đến tài nguyên rừng: Không nằm trong quy hoạch ba loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Liên quan đến khu dân cư, đô thị và các công trình cơ sở hạ tầng quan trọng khác: Khu vực thăm dò nằm xa khu dân cư, đô thị, cách nhà dân gần nhất khoảng 400-500m.

- Các vấn đề liên quan khác: Khu vực xin thăm dò có một phần nằm trên diện tích đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác cho công ty tại Giấy phép số: 390/GP-UBND ngày 06/4/2006.

III. Kết luận:

Địa điểm mỏ có đủ các điều kiện cho phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Cuộc họp thống nhất đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp phép thăm dò cho Công ty TNHH Hồng Phong.

Biên bản được lập tại UBND xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, hoàn thành vào hồi 11 h00 giờ ngày 02 tháng 1 năm 2009 và đã được các thành viên trong đoàn kiểm tra nhất trí thông qua. Biên bản này được sao lục và gửi các bên liên quan./.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường

Đại diện UBND huyện Bình Gia

Đại diện UBND xã Tô Hiệu

Đại diện đơn vị xin thăm dò

(đã ký) Phạm Anh Dũng

(đã ký) Hoàng Văn Huyền

(đã ký) Hoàng Văn Hải

(đã ký) Trần Văn Dũng

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 16 /TNMT-SL

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 01 năm 2009

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TL. GIÁM ĐỐC

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:

- UBND huyện Bình Gia;
- UBND xã Tô Hiệu;
- Công ty TNHH Hồng Phong;
- Lưu: VT, TNKS.



Phùng Xuân Phú

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Số: 1402000055

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 8 năm 1993.
Đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27 tháng 11 năm 2008.

1. Tên công ty viết bằng tiếng việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG PHONG

2. Địa chỉ trụ sở chính: *Mỏ đá Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.*

Điện thoại: 025 3852 409

Fax: 025 3852 407

3. Ngành, nghề kinh doanh: *Sản xuất vật liệu xây dựng; khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; vận tải hàng hóa bằng ô tô; đại lý xăng dầu và các chất bôi trơn làm sạch động cơ; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công nghiệp.*

4. Vốn điều lệ: *12.690.000.000 đồng (mười hai tỷ, sáu trăm chín mươi triệu đồng).*

Số T T	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân	Giá trị vốn góp (nghìn. đ)	Phần vốn góp (%)
01	Trần Văn Dũng	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	11.198.488	88,25
02	Hoàng Thị Xuân	Số 226, khu tái định cư Phai Luông, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	813.552	6,41
03	Bùi Thị Đào	Số 134C, đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	677.960	5,34

6. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHAN NGỌC THOM

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/5/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 012546047

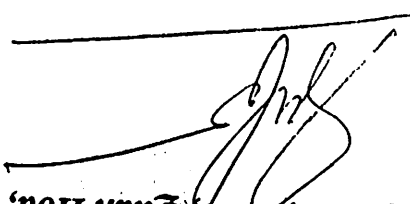
Ngày cấp: 01/12/2005

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, ngõ 155, tổ 16, Quan Hoa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 6, ngõ 155, tổ 16, Quan Hoa, Thành phố Hà Nội.

Chữ ký:

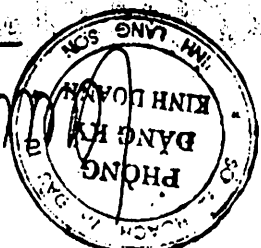
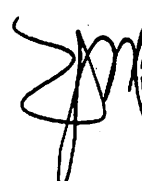


7. Chi nhánh công ty:

Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG

Địa chỉ: Xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

TRƯỞNG PHÒNG



Dương Văn Chiếu

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo,
phục hồi môi trường của dự án "Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi
Hong Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn"**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hong Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn" tại phiên họp thẩm định ngày 02 tháng 4 năm 2009;

Xét Tờ trình số 138/TTr-STNMT ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hong Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn" do Công ty TNHH Hong Phong làm chủ dự án (sau đây gọi là chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tuân thủ những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại thì phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh; phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải ... theo đúng nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (1 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng và chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

5. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: /8

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (3b);
- UBND huyện Bình Gia;
- UBND xã Tô Hiệu;
- C, PCVP, KTN, TH;
- Chủ dự án;
- Lưu VT, DN, (OH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

C. TY TNHH HỒNG PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: *62A*/QĐ-HĐTV

Lạng Sơn, ngày 15.... tháng 04 năm 2009.

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH HỒNG PHONG
về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi
Hồng Phong IV, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1402000055 do Sở KH&ĐT Lạng Sơn cấp. Đăng ký lần đầu ngày 10/08/1993, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/11/2008.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Hồng Phong.

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Hồng Phong IV, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 05/05/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong IV, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn”.

Căn cứ Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong IV xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn số: 125/SCT-KT ngày 24/03/2009 của Sở công thương tỉnh Lạng Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

ĐIỀU 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong IV với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án: “Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Hồng Phong IV”.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hồng Phong

3. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm Dự án:

- Tổ chức lập dự án: Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học và khoáng sản.

- Chủ nhiệm dự án: Nguyễn Thanh Tuấn - Tiến sỹ khoa học, Giám đốc trung tâm.

4. Tên tổ chức lập Thiết kế cơ sở: Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học và khoáng sản.

5. Tên tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học và khoáng sản.

6. Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo mở rộng khai trường tạo tuyến khai thác mới đạt sản lượng thiết kế là 150.000 m³/năm đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cho tỉnh Lạng Sơn cũng như các đại phương xung quanh.

- Đầu tư bổ xung và thay thế thiết bị khai thác, vận tải và chế biến.

7. Nội dung và quy mô đầu tư:

7.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ:

- Trữ lượng: 7.585.264 m³

- Công suất thiết kế:

+ Tính theo sản phẩm nguyên khai: 150.000 m³/năm

+ Tính theo đá thành phẩm: 195.000 m³/năm

- Tuổi thọ mỏ: 34 năm

7.2. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường.

- Mở vỉa:

Khu I: Khai thác quả núi độc lập phía ngoài (phía Đông - Bắc khu mỏ). Những năm trước đây khu này đã được công ty khai thác. Do vậy, khu này đã hình thành được mặt bằng dưới chân mức +375 và có đường mòn đi lên đến đỉnh mức +440.

Khu II: Khai thác phần núi phía Tây – Nam khu mỏ. Để khai thác được ở khu vực này cần phải xây dựng hệ thống hào từ +375 đến +560.

Các thông số cơ bản của tuyến hào cơ bản như sau:

+ Chiều dài đoạn hào: 495 m

+ Chiều rộng hào: 5m

+ Độ dốc dọc tối đa: 30%

+ Góc dốc sườn hào: 65⁰

Khối lượng đào hào cơ bản: 1.200 m³

- Chuẩn bị khai trường: Để đảm bảo khai trường đi vào hoạt động hiệu quả và ổn định lâu dài, trong đó có việc đạt sản lượng thiết kế, cần tiến hành công tác chuẩn bị khai thác. Khối lượng chuẩn bị như sau:

TT	Công việc	ĐVT	Khối lượng
1	Cải tạo đường ô tô từ QL 1B vào mỏ (nền đường rộng 6m, mặt trải bê tông)	M	400
2	Xây dựng tuyến hào cơ bản đến +560 (khoan nổ, gạt, xúc chuyển) vừa sản xuất vừa xây dựng hào	M3	12.288

7.3. Hệ thống khai thác.

- Hệ thống khai thác và các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác:

Do cấu tạo đặc điểm địa hình, khu mỏ được chia làm 02 khu vực. Hệ thống khai thác được lựa chọn cho hai khu vực là:

+ Khu vực I: Hệ thống khai thác được chọn là HTKT khấu theo lớp đứng cắt tầng nhỏ, chuyển tải đá xuống chân núi bằng phương pháp nổ mìn.

+ Khu vực II: Hệ thống khai thác được chọn là HTKT khấu theo lớp đứng, xúc chuyển bằng máy xúc.

+ Các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác:

Chiều cao tầng khai thác: $h = 5\text{m}$

Chiều cao tầng kết thúc: $H = 10\text{m}$

Góc dốc sườn tầng khai thác: $\alpha = 75^\circ$

Chiều rộng mặt tầng công tác:

Khu I: $B = 3 - 5\text{m}$

Khu II: $B = 8 - 14\text{m}$

Chiều rộng đai bảo vệ:

Ở vị trí khai thác: $B_v = 2\text{m}$

Ở vị trí kết thúc: $B_v = 4\text{m}$

Góc dốc bờ mỏ: $\beta = 56^\circ$

7.4. Công tác khoan nổ mìn.

- Phương pháp nổ: Vì sai theo sơ đồ tuần tự qua hàng hoặc hướng tâm để tăng tỷ lệ đất đá được hất xuống chân tầng, các lượng thuốc nổ có cấu trúc liên tục.

Các thông số khoan nổ cơ bản:

+ Chiều cao tầng khai thác (h): 5m

+ Góc nghiêng sườn tầng (α): 75°

+ Đường cản chân tầng (W): $3,7\text{m}$

+ Khoảng cách giữa các hàng mìn (b): $3,9\text{m}$

+ Khoảng cách giữa các lỗ mìn trong hàng (a): $3,7\text{m}$

+ Chỉ tiêu thuốc nổ đơn vị (q): $0,3\text{kg/m}^3$

+ Chiều dài cột bua (l₁): $2,5\text{m}$

+ Chiều sâu khoan thêm (l₃): $1,0\text{m}$

7.5. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ.

- Dùng các máy xúc của Nhật bản, máy hãng Komatsu có năng suất cao (dung tích gầu xúc khoảng 1m^3) và hạn chế mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

- Ô tô dùng loại có trọng tải nhỏ (trọng tải 05 tấn/xe) do Trung Quốc sản xuất (loại LF3070G) để vận tải nguyên liệu từ khu vực khai thác về trạm nghiền và vận chuyển trung chuyển thành phẩm, đổ thải trong khu vực mỏ.

7.6. Thải đất đá.

Tỷ lệ đất đá thải và tạp chất không thể sử dụng được là 5% , thành phần này được tập kết gần khu vực nghiền sàng và được tận dụng làm nền đường cho các công trình giao thông. Khu vực chứa đất đá thải dự kiến phía Đông Bắc khai trường, gần khu vực nghiền sàng. Chiều cao trung bình của lớp thải là 20m , góc sườn bãi thải $35-37^\circ$. Diện tích chiếm đất của bãi thải của cả dự án là $2,0\text{ha}$.

7.7. Tháo khô và thoát nước.

T toàn khu mỏ nằm trên mực thoát nước tự chảy. Mặt khác, khai trường và bãi thải đều nằm cao hơn so với địa hình xung quanh. Do vậy công tác thoát nước của dự án rất đơn giản, phương pháp thoát nước được chọn cho khai trường và bãi thải là tự chảy trên các mặt tầng và bãi thải ra ngoài. Khi đó chỉ cần xây dựng hệ thống rãnh thoát nước từ bãi thải và mặt bằng sân công nghiệp dốc ra ngoài là có thể đảm bảo thoát nước cho toàn khu khai thác.

7.8. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc.

- Cung cấp điện: Mỏ đã có hệ thống trạm biến áp 6/0,4-320 KVA và đường dây điện 0,4KV tương đối hoàn thiện. Nguồn cung cấp điện thuộc lưới điện công ty điện Lực Lạng Sơn quản lý.

- Thông tin liên lạc: Để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh tại mỏ, mỏ đã có sẵn hệ thống thuê bao trực thuộc tổng đài nối mạng toàn quốc. Ngoài ra còn có thể sử dụng điện thoại di động để chỉ huy sản xuất nhanh chóng và thuận tiện.

7.9. Công nghệ chế biến khoáng sản.

+ Công nghệ chế biến được lựa chọn là công nghệ nghiền sàng sản xuất qua công đoạn phân loại và nghiền trung gian.

+ Hệ thống thiết bị chế biến đá: Căn cứ vào công suất thiết kế và công nghệ chế biến, lựa chọn 01 tổ hợp nghiền sàng với công suất 50 tấn/h.

7.10. Vận tải ngoài.

Vận tải tiêu thụ do xe khách hàng tự đến lấy hàng đi phân phối và tiêu thụ.

7.11. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ:

- Đầu tư kinh phí và thực hiện các biện pháp chống chế độ ô nhiễm do tiến ồn, khí thải và bụi.

- Thực hiện các biện pháp an toàn bảo hộ lao động trong thi công hạ tầng cơ sở và trong quá trình khai thác.

- Thực hiện quy phạm an toàn về bản quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: TCVN 4586-1997; TCVN 5178-2004; TCVN-2008; QCVN 02-2008.

8. Địa điểm xây dựng: xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

9. Tổng diện tích sử dụng đất: 12,49 Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường: 9,24 Ha.

- Diện tích bãi thải: 2,0 Ha.

- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp (khu chế biến): 1,0 Ha.

- Diện tích cho các công trình khác (khu văn phòng): 0,25 Ha.

10. Công tác bảo vệ môi trường.

- Trồng cây xanh.

- Ô tô tước tưới đường.

- Thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường toàn khu vực trong cả giai đoạn thi công hạ tầng cơ sở, giao đoạn khai thác và sau khi đóng cửa mỏ.

- Thực hiện nghiêm túc pháp lệnh về nộp thuế tài nguyên và các khoản thu phí khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường và hoàn thổ cũng như các biện pháp giảm thiểu khác sau khi công trình đã khai thác xong.

11. Máy thiết bị chính và hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy khoan lớn BMK – 5	Chiếc	02
2	Máy khoan con (d = 46mm)	“	04
3	Máy nén khí PV – 10	“	01
4	Máy xúc Komatsu PC 200 – 7	“	01
5	Máy xúc Komatsu PC 100	“	01

6	Máy xúc tải ZL 30	Chiếc	01
7	Ô tô trọng tải 05 tấn	“	03
8	Máy gặt Komatsu D50A	“	01

12. Tổng mức đầu tư của Dự án: 8.483.956.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây lắp: 1.731.463.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 3.962.850.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 143.866.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư: 450.501.000 đồng
- Chi phí khác: 1.586.790.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 608.486.000 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn vay ngân hàng: 4.946.191.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 3.537.765.000 đồng

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

15. Thời gian thực hiện dự án: 33,66 năm

16. Phương thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tìm và lựa chọn các đơn vị tư vấn, trực tiếp làm việc với các đơn vị tư vấn trong phần việc đơn vị này thực hiện. Ban có trách nhiệm triển khai từ khi dự án bắt đầu thăm dò cho đến khi đầu tư hoàn thiện công tác XDCT bàn giao cho mô thực hiện sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn do chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Thuê đơn vị tư vấn : Thăm dò, lập dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế thi công...
- Làm các công việc: Chuẩn bị nguồn vốn, chọn nhà thầu lắp đặt thi công, quản lý dự án, đóng thuế cho nhà nước, Thực hiện nghiêm túc các nội dung trong các giấy phép được cấp và các quy định của pháp luật nhà nước trong khai thác lộ thiên...

18. Các nội dung khác; Không có

ĐIỀU 2. Tổ chức thực hiện

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công ty có trách nhiệm giúp Hội đồng thành viên thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn cả cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án đầu tư

ĐIỀU 3. Các thành viên trong Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Các Phó Tổng giám đốc; Giám đốc, phó giám đốc điều hành các mỏ, Trưởng các phòng ban công ty và ban quản lý dự án đầu tư XDCT có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Trần Văn Dũng

22
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 323 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Hồng Phong 4,
xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 47/TTr-TNMT ngày 20 tháng 02 năm 2009 V/v thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng và phân cấp trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 4 theo báo cáo thăm dò của Công ty TNHH Hồng Phong với nội dung sau:

a) Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn do Công ty TNHH Hồng Phong thực hiện theo giấy phép thăm dò khoáng sản số: 94/GP-UBND ngày 14/01/2009.

b) Loại khoáng sản thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

c) Tổng trữ lượng khoáng sản đã thăm dò được là 7.585.264 m³

Trong đó phân cấp trữ lượng:

+ Trữ lượng cấp 121 là: 1.997.544 m³

+ Trữ lượng cấp 122 là: 5.587.720 m³

d) Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo Quyết định số: 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

Điều 2. Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Hồng Phong 4 là tài liệu địa chất của Công ty TNHH Hồng Phong được quản lý và khai thác sử dụng theo quy định nhằm

bảo vệ, khai thác, sử dụng triệt để có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, nếu sau 06 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực Công ty TNHH Hồng Phong không có hồ sơ xin khai thác mỏ đá vôi Hồng Phong 4 thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền cung cấp thông tin của báo cáo thăm dò cho các tổ chức cá nhân khác.

Điều 3. Công ty TNHH Hồng Phong, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia, Chủ tịch UBND xã Tô Hiệu và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: 18

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- Sở Công Thương;
- CPVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

422 UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 323 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Hồng Phong 4,
xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 47/TTr-TNMT ngày 20 tháng 02 năm 2009 V/v thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng và phân cấp trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Hồng Phong 4 theo báo cáo thăm dò của Công ty TNHH Hồng Phong với nội dung sau:

a) Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Hồng Phong 4, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn do Công ty TNHH Hồng Phong thực hiện theo giấy phép thăm dò khoáng sản số: 94/GP-UBND ngày 14/01/2009.

b) Loại khoáng sản thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

c) Tổng trữ lượng khoáng sản đã thăm dò được là 7.585.264 m³

Trong đó phân cấp trữ lượng:

+ Trữ lượng cấp 121 là: 1.997.544 m³

+ Trữ lượng cấp 122 là: 5.587.720 m³

d) Công ty TNHH Hồng Phong có trách nhiệm nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo Quyết định số: 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

Điều 2. Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Hồng Phong 4 là tài liệu địa chất của Công ty TNHH Hồng Phong được quản lý và khai thác sử dụng theo quy định nhằm

bảo vệ, khai thác, sử dụng triệt để có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, nếu sau 06 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực Công ty TNHH Hồng Phong không có hồ sơ xin khai thác mỏ đá với Hồng Phong 4 thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền cung cấp thông tin của báo cáo thăm dò cho các tổ chức cá nhân khác.

Điều 3. Công ty TNHH Hồng Phong, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia, Chủ tịch UBND xã Tô Hiệu và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: 18

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- Sở Công Thương;
- CPVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình